

Đại từ nhân xưng	Tính từ sở hữu	Dịch nghĩa
I	my	của tôi
You	your	của bạn
He	his	của anh ấy
She	her	của cô ấy
It	its	của nó (vật, con vật)
We	our	của chúng tôi, của chúng ta
They	their	của họ, của chúng

### 1. Cách dùng

- Dùng để chỉ mối quan hệ giữa người với người hoặc vật.
- Tính từ sở hữu có thể được dùng để nói về mối quan hệ gia đình, bạn bè hoặc quyền sở hữu đồ vật.

Ví dụ:

- Those are her new cushions. (*Kia là những chiếc gối mới của cô ấy.*)
- His job is very stressful. (*Công việc của anh ấy rất căng thẳng.*)

### 2. Vị trí của tính từ sở hữu

Tính từ sở hữu luôn đứng trước danh từ mà nó bổ nghĩa để chỉ quyền sở hữu. Nếu bỏ tính từ sở hữu đi, câu có thể không rõ ràng hoặc gây nhầm lẫn. Nó cũng luôn phải có danh từ đi kèm, không thể đứng một mình trong câu. Tính từ sở hữu không bao giờ đi kèm với [mao từ \(a, an, the\)](#).

Ví dụ:

- My book is on the table. (*Cuốn sách của tôi ở trên bàn.*)
- Her friend helped her. (*Bạn của cô ấy đã giúp cô ấy.*)

### Bài tập tính từ sở hữu

**Bài 1: Chọn tính từ sở hữu phù hợp để hoàn thành câu sau:**

1. This is \_\_\_\_\_ book. It is on the table.  
a) me      b) my      c) mine      d) I
2. Peter and I have a dog. \_\_\_\_\_ name is Lucky.  
a) Our      b) Their      c) His      d) Her
3. Lisa has a new bicycle. \_\_\_\_\_ bicycle is red.  
a) She      b) Her      c) Hers      d) His
4. Mr. Brown is a teacher. \_\_\_\_\_ students love him.  
a) Your      b) Our      c) His      d) Their
5. Where is \_\_\_\_\_ schoolbag? I can't find it.  
a) you      b) your      c) yours      d) they
6. Tom and Jerry are brothers. \_\_\_\_\_ parents are very kind.  
a) Their      b) His      c) Her      d) Our
7. My sister is a doctor. \_\_\_\_\_ job is very interesting.  
a) My      b) Her      c) His      d) Their
8. We have a new English teacher. \_\_\_\_\_ name is Ms. Linda.  
a) His      b) Your      c) Her      d) Our
9. I like this house. \_\_\_\_\_ garden is very beautiful.  
a) My      b) Her      c) Your      d) Its
10. David has a football. \_\_\_\_\_ football is new.  
a) His      b) Their      c) Her      d) Its

**Bài 2: Dùng các từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh, sử dụng tính từ sở hữu phù hợp.**

1. I / laptop / not working → \_\_\_\_\_.
2. She / brother / play / football / every Sunday → \_\_\_\_\_.
3. They / parents / live / in / a small village → \_\_\_\_\_.
4. He / dog / love / to run / in the park → \_\_\_\_\_.
5. We / classroom / be / on the second floor → \_\_\_\_\_.

6. You / handwriting / very neat → \_\_\_\_\_.
7. My friend / birthday / tomorrow → \_\_\_\_\_.
8. Lisa and her sister / hair / long and curly → \_\_\_\_\_.
9. Tom / favorite subject / math → \_\_\_\_\_.
10. Our team / uniform / be / red and white → \_\_\_\_\_.

**Bài 3: Sắp xếp các từ sau để tạo thành câu hoàn chỉnh.**

1. always / mother / My / reminds / me / to / do / my homework.
2. His / guitar / plays / very / well / brother.
3. Their / is / house / bigger / than / ours.
4. favorite / My / season / is / winter / because / I love / the snow.
5. going / friend's / tomorrow / We / are / to / celebrate / her / birthday.
6. sofa / dog / Our / the / often / living / in / sleeps / on / the / room.
7. teacher / essay / gave / her / a / great / compliment / Her / on / her.
8. grandparents / love / to tell / His / childhood / stories.
9. The / respect / always / their / teacher / students.
10. sister's / My / room / is / cleaner / than / mine.

**Bài 4: Điền từ thích hợp vào chỗ trống**

1. This book belongs to me. It is \_\_\_\_\_.
2. Lisa has a red bag. \_\_\_\_\_ bag is very stylish.
3. Tom and Jerry are brothers. \_\_\_\_\_ parents are kind.
4. We live in this house. This house is \_\_\_\_\_.
5. David, is this \_\_\_\_\_ jacket? It looks new!
6. My grandparents have a farm. \_\_\_\_\_ farm is very large.
7. This is my pencil, and that one is \_\_\_\_\_ (you).
8. Mr. Brown is a teacher. \_\_\_\_\_ students love him.
9. My cat is small, but \_\_\_\_\_ tail is very fluffy.
10. My team won the competition. The trophy is \_\_\_\_\_!

**5 Bài tập về tính từ sở hữu và đại từ sở hữu 2: Chọn đáp án đúng (A, B, C hoặc D) để hoàn thành câu.**

1. These shoes belong to Anna. They are \_\_\_\_\_.  
A) her      B) hers      C) she      D) their
2. John and I have a car. \_\_\_\_\_ car is blue.  
A) Ours      B) Our      C) We      D) Us
3. I don't need your help. I can do it by \_\_\_\_\_.  
A) my      B) me      C) mine      D) myself
4. That is not my phone. It is \_\_\_\_\_.  
A) his      B) him      C) he      D) her
5. This is \_\_\_\_\_ new bicycle. I bought it yesterday.  
A) I      B) my      C) mine      D) me
6. Sarah and Emily are sisters. \_\_\_\_\_ room is always clean.  
A) Their      B) Theirs      C) Them      D) Her
7. My laptop is old, but \_\_\_\_\_ (you) is brand new!  
A) your      B) you      C) yours      D) it
8. That house belongs to Mr. and Mrs. Smith. It is \_\_\_\_\_.  
A) their      B) they      C) them      D) theirs
9. I have my own books, and she has \_\_\_\_\_.  
A) her      B) his      C) she      D) hers
10. My brother and I love football. It is one of \_\_\_\_\_ favorite sports.  
A) our      B) ours      C) we      D) us

**Bài 6: Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh**

1. my / house / bigger / Our / than / is / theirs.
2. friends / going / to / are / We / park / the / our / with.
3. it's / mine / not / is / This / yours.
4. ours / idea / This / is / not / it's / his.

5. hers / not / necklace / This / is / mine.

**Bài 7: Điền từ thích hợp vào chỗ trống**

1. My sister and I are in different classes. \_\_\_\_\_ class is bigger than \_\_\_\_\_.
2. This is a beautiful painting. \_\_\_\_\_ (they) painting is even more colorful.
3. I can't find my keys. Have you seen \_\_\_\_\_ (you)?
4. Peter and I are neighbors. \_\_\_\_\_ house is next to \_\_\_\_\_ house.
5. That is \_\_\_\_\_ (she) handbag on the table.
6. Their house is nice. But \_\_\_\_\_ (we) house is even better.
7. This is the pencil case that belongs to David. It is \_\_\_\_\_.
8. I don't know if this book is yours or mine. It could be \_\_\_\_\_.
9. These are \_\_\_\_\_ (we) ideas, not theirs.
10. I like your dog. \_\_\_\_\_ dog is very friendly.